

Phụ lục
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI
ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH
(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /202..../QĐ-UBND ngày tháng năm 202.... của Ủy ban
nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
I	CÂY HÀNG NĂM		
1	Cây lúa	đồng/m ²	6.200
2	Cây ngô	đồng/m ²	6.000
3	Cây lạc	đồng/m ²	8.500
4	Cây đậu tương	đồng/m ²	8.500
5	Các loại đỗ lấy hạt: Đỗ đen, Đỗ xanh	đồng/m ²	8.300
6	Cây khoai lang, khoai tây	đồng/m ²	10.000
7	Sen nước	đồng/m ²	11.500
8	Rau cải các loại	đồng/m ²	15.000
9	Su hào	đồng/m ²	15.000
10	Cải bắp	đồng/m ²	15.000
11	Súp lơ	đồng/m ²	15.000
12	Hành lá	đồng/m ²	15.000
13	Cà chua	đồng/m ²	15.000
14	Ớt	đồng/m ²	14.000
15	Củ cải các loại, Cà rốt	đồng/m ²	12.000
16	Mướp, Mướp đắng, bí		
	Loại chưa có quả	đồng/m ²	7.500
	Loại đã có quả	đồng/m ²	13.000
17	Dưa hấu, Dưa lê, dưa bở		
	Loại chưa có quả	đồng/m ²	10.000
	Loại đã có quả	đồng/m ²	15.000
18	Dưa lưới, dưa vàng		
	Loại chưa có quả	đồng/m ²	12.000
	Loại đã có quả	đồng/m ²	18.000
19	Dưa chuột		
	Loại chưa có quả	đồng/m ²	10.000
	Loại đã có quả	đồng/m ²	14.000
20	Cây Ngưu tất	đồng/m ²	40.000
II	CÂY LÂU NĂM		
1	Cây Mít		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 3cm	đồng/cây	40.000
	3cm ≤ ĐK thân < 6cm	đồng/cây	100.000
	6cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	230.000
	10cm ≤ ĐK thân < 20cm	đồng/cây	420.000
	20 cm ≤ ĐK thân < 30cm	đồng/cây	700.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
	30 cm ≤ ĐK thân < 40cm	đồng/cây	1.000.000
	ĐK thân ≥ 40cm	đồng/cây	1.200.000
2	Cây Nhãn, Vải		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 2cm	đồng/cây	50.000
	2cm ≤ ĐK thân < 3cm	đồng/cây	80.000
	3cm ≤ ĐK thân < 5cm	đồng/cây	250.000
	5cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	550.000
	10cm ≤ ĐK thân < 15cm	đồng/cây	830.000
	15cm ≤ ĐK thân < 25cm	đồng/cây	1.200.000
	ĐK thân ≥ 25cm	đồng/cây	1.400.000
3	Cây Hồng xiêm		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 3cm		30.000
	3cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	180.000
	10cm ≤ ĐK thân < 15cm	đồng/cây	240.000
	15cm ≤ ĐK thân < 20cm	đồng/cây	350.000
	ĐK thân ≥ 20cm	đồng/cây	480.000
4	Cây xoài		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 3cm	đồng/cây	30.000
	3cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	180.000
	10cm ≤ ĐK thân < 15cm	đồng/cây	240.000
	15cm ≤ ĐK thân < 20cm	đồng/cây	350.000
	ĐK thân ≥ 20cm	đồng/cây	480.000
5	Cây Bưởi		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 3cm		50.000
	3cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	180.000
	10cm ≤ ĐK thân < 15cm	đồng/cây	260.000
	15cm ≤ ĐK thân < 20cm	đồng/cây	390.000
	ĐK thân ≥ 20cm	đồng/cây	520.000
6	Cam		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 3cm	đồng/cây	50.000
	3cm ≤ ĐK thân < 5cm	đồng/cây	100.000
	5cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	200.000
	10cm ≤ ĐK thân < 15cm	đồng/cây	260.000
	15cm ≤ ĐK thân < 20cm	đồng/cây	360.000
	ĐK thân ≥ 20cm	đồng/cây	460.000
7	Cây Quýt		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân < 3cm	đồng/cây	50.000
	3cm ≤ ĐK thân < 5cm	đồng/cây	100.000
	5cm ≤ ĐK thân < 10cm	đồng/cây	200.000
	10cm ≤ ĐK thân < 15cm	đồng/cây	290.000
	15cm ≤ ĐK thân < 20cm	đồng/cây	360.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
	ĐK thân $\geq 20\text{cm}$;	đồng/cây	460.000
8	Cây ổi		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân $< 3\text{cm}$	đồng/cây	40.000
	$3\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm}$	đồng/cây	100.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm}$	đồng/cây	200.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 25\text{cm}$	đồng/cây	265.000
	ĐK thân $> 25\text{cm}$	đồng/cây	360.000
9	Cây sấu		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân $< 3\text{cm}$	đồng/cây	25.000
	$3\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm}$	đồng/cây	100.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm}$	đồng/cây	200.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 25\text{cm}$	đồng/cây	265.000
	ĐK thân $> 25\text{cm}$	đồng/cây	390.000
10	Cây Đu đủ		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	Cao $\leq 1,0\text{m}$; chưa có quả	đồng/cây	40.000
	Cao $\leq 1,0\text{m}$; có quả	đồng/cây	93.000
	$1,0\text{ m} < \text{Cao} \leq 1,5\text{ m}$; đang có quả	đồng/cây	145.000
	Cao $\geq 1,5\text{m}$; đang có quả	đồng/cây	210.000
11	Cây Chuối		
	Chuối mới trồng	đồng/cây	12.000
	Khóm 01 cây	đồng/cây	30.000
	Khóm 1 mẹ chưa trổ hoa và 1,2 cây con	đồng/khóm	50.000
	Khóm 1 cây mới trổ hoa hoặc quả non chưa dùng được và 1,2 cây con	đồng/khóm	120.000
	Khóm có 2 đến 3 cây mới trổ hoa hoặc quả non chưa dùng được	đồng/khóm	200.000
	Khóm có từ 4 cây mới trổ hoa hoặc quả non chưa dùng được trở lên	đồng/khóm	300.000
12	Cây Xoan, Tẻch, bạch đàn, phi lao		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	45.000
	ĐK thân $< 5\text{ cm}$	đồng/cây	30.000
	$5\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm}$;	đồng/cây	120.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm}$;	đồng/cây	260.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 30\text{cm}$;	đồng/cây	300.000
	$30\text{ cm} \leq \text{ĐK thân} < 40\text{cm}$;	đồng/cây	500.000
	ĐK thân $\geq 40\text{cm}$		600.000
13	Cây Lát hoa, Lát Mexico, Thông Caribe, thông ba lá, thông đuôi ngựa, Mỡ		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	45.000
	ĐK thân $< 5\text{ cm}$	đồng/cây	30.000
	$5\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm}$;	đồng/cây	120.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm}$;	đồng/cây	260.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 30\text{cm}$;	đồng/cây	300.000
	$30\text{ cm} \leq \text{ĐK thân} < 40\text{cm}$;	đồng/cây	450.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
	ĐK thân $\geq 40\text{cm}$	đồng/cây	520.000
14	Cây Lim, sao đen		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	80.000
	ĐK thân $< 5\text{ cm}$	đồng/cây	41.000
	$5\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm};$	đồng/cây	229.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm};$	đồng/cây	300.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 30\text{cm};$	đồng/cây	400.000
	$30\text{ cm} \leq \text{ĐK thân} < 40\text{cm};$	đồng/cây	600.000
	ĐK thân $\geq 40\text{cm}$	đồng/cây	680.000
15	Cây bồ đề		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	60.000
	ĐK thân $< 3\text{ cm}$	đồng/cây	40.000
	$3\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 5\text{cm};$	đồng/cây	50.000
	$5\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm};$	đồng/cây	90.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 15\text{cm};$	đồng/cây	150.000
	$15\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm};$	đồng/cây	180.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 30\text{cm};$	đồng/cây	270.000
	$30\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 40\text{cm};$	đồng/cây	320.000
	ĐK thân $\geq 40\text{cm}$	đồng/cây	450.000
16	Cây Muồng đen		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	ĐK thân $< 3\text{ cm}$	đồng/cây	36.000
	$3\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 5\text{cm};$	đồng/cây	60.000
	$5\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm};$	đồng/cây	90.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 15\text{cm};$	đồng/cây	130.000
	$15\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm};$	đồng/cây	160.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 30\text{cm};$	đồng/cây	240.000
	$30\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 40\text{cm};$	đồng/cây	280.000
	ĐK thân $\geq 40\text{cm}$		390.000
17	Tre, Hóp		
	cao $< 2\text{m};$ ĐK thân $\leq 3\text{cm}$	đồng/cây	6.000
	$2\text{m} \leq \text{cao} < 3\text{m};$ $3\text{cm} < \text{ĐK thân} \leq 5\text{cm};$	đồng/cây	8.000
	$3\text{m} \leq \text{cao} < 5\text{m};$ $5\text{cm} < \text{ĐK thân} \leq 10\text{cm};$	đồng/cây	15.000
	Cao $\geq 5\text{m},$ ĐK thân $> 10\text{cm}$	đồng/cây	20.000
18	Cây Hoa hòe- Phương án 1		Đề nghị lựa chọn PA
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	25.000
	ĐK thân $< 3\text{ cm}$	đồng/cây	15.000
	$3\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 5\text{cm};$	đồng/cây	30.000
	$5\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 10\text{cm};$	đồng/cây	80.000
	$10\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 15\text{cm};$	đồng/cây	120.000
	$15\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 20\text{cm};$	đồng/cây	250.000
	$20\text{cm} \leq \text{ĐK thân} < 25\text{cm};$	đồng/cây	350.000
	ĐK thân $\geq 25\text{cm}$	đồng/cây	450.000
18	Cây Hoa hòe- Phương án 2		Đề nghị lựa chọn PA
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	250.000
	Cao $< 40\text{cm}$	đồng/cây	15.000
	$40\text{ cm} \leq \text{cao} < 80\text{ cm},$ đường kính tán $< 50\text{ cm}$	đồng/cây	50.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
	40 cm ≤ cao < 80 cm, đường kính tán ≥ 50	đồng/cây	80.000
	80cm ≤ cao < 150 cm, đường kính tán < 50 cm	đồng/cây	100.000
	80cm ≤ cao < 150 cm, đường kính tán ≥ 50 cm	đồng/cây	225.000
	150 cm ≤ cao < 200 cm, đường kính tán < 50 cm	đồng/cây	270.000
	150 cm ≤ cao < 200 cm, đường kính tán ≥ 50 cm	đồng/cây	310.000
	Cao ≥ 200cm, đường kính tán < 50cm	đồng/cây	380.000
	Cao ≥ 200 cm, đường kính tán > 50 cm	đồng/cây	430.000
19	Cây Đinh lăng		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	40.000
	Cao < 30 cm	đồng/cây	13.000
	30 cm ≤ Cao < 50 cm	đồng/cây	22.000
	50 cm ≤ Cao < 100 cm	đồng/cây	30.000
III	HOA - CÂY CẢNH TRỒNG TRÊN ĐẤT		
1	Cúc đại đóa, Cúc pha lê		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	20.000
	Cây chưa có hoa	đồng/m ²	50.000
	Cây có hoa	đồng/m ²	85.000
2	Cúc các loại khác		
	Cây chưa có hoa	đồng/m ²	30.000
	Cây đã có hoa	đồng/m ²	60.000
3	Đồng tiền	đồng/m ²	40.000
4	Đào hoa		
	Cây giống trong vườn ươm	đồng/m ²	250.000
	40 ≤ Cao < 80cm, đường kính tán < 50cm	đồng/cây	35.000
	40 ≤ Cao < 80cm, đường kính tán ≥ 50cm	đồng/cây	80.000
	80 ≤ Cao < 150cm, đường kính tán < 50cm	đồng/cây	100.000
	80 ≤ Cao < 150cm, đường kính tán ≥ 50cm	đồng/cây	200.000
	150 ≤ Cao < 200cm, đường kính tán < 50cm	đồng/cây	250.000
	150 ≤ Cao < 200cm, đường kính tán ≥ 50cm	đồng/cây	300.000
	Cao ≥ 200cm, đường kính tán < 50cm	đồng/cây	350.000
	Cao ≥ 200cm, đường kính tán ≥ 50cm	đồng/cây	400.000
5	Quất cảnh		
	Cây giống vườn ươm		250.000
	Cao < 30 cm	đồng/cây	30.000
	30 cm ≤ cao < 50 cm	đồng/cây	50.000
	50 cm ≤ cao < 70 cm	đồng/cây	80.000
	70 cm ≤ cao < 100 cm	đồng/cây	130.000
	100 cm ≤ cao < 150 cm	đồng/cây	160.000
	Cao ≥ 150 cm	đồng/cây	250.000
6	Hoa hồng các loại		
	Chưa có hoa	đồng/m ²	60.000
	Có hoa	đồng/m ²	115.000
7	Hoa Lily		
	Cây giống vườn ươm	đồng/m ²	100.000
	Chưa có hoa	đồng/cây	15.000
	Có hoa	đồng/cây	30.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường
IV	VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN		
1	Cá giống	đồng/m ²	20.000
2	Cá Thịt		
2.1	Cá thịt nước ngọt	đồng/m ²	14.000
2.2	Cá thịt nước mặn, nước lợ	đồng/m ²	27.500
3	Tôm giống	đồng/m ²	27.000
4	Tôm thịt:	đồng/m ²	20.000
5	Ngao Bến Tre		
	Ngao giống	đồng/m ²	27.000
	Ngao thịt	đồng/m ²	15.000
6	Baba		
	Baba giống nước ngọt	đồng/m ²	43.000
	Baba thịt	đồng/m ²	40.000
7	Ếch đồng		
	Ếch giống	đồng/m ²	42.000
	Ếch thịt	đồng/m ²	30.000
8	Ốc hương		
	Ốc hương giống	đồng/m ²	25.000
	Ốc hương thương phẩm	đồng/m ²	40.000
9	Hàu Thái Bình Dương		
	Hàu giống	đồng/m ²	12.000
	Hàu thịt	đồng/m ²	25.000